

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 770/TTr-TNMT ngày 29/11/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Liuqiao Feather Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại lô CN-07, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Sản xuất và gia công các loại lông vũ Liuqiao Feather Việt Nam” tại Một phần Lô CN-07, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Sản xuất và gia công các loại lông vũ Liuqiao Feather Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần Lô CN-07, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400830418 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22/01/2019.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9897924422 do Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 03/01/2018, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 14/12/2018.

1.4. Mã số thuế: 2400830418.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và gia công các loại lông vũ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại một phần lô CN-07, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích 25.000 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Sản xuất, gia công các sản phẩm lông tơ, lông thô từ lông vũ, lông gia cầm: 5.000 tấn/năm.

+ Gia công và sản xuất hàng dệt may gia dụng: 35.000.000 sản phẩm/năm, trong đó:

++ Sản xuất, gia công lõi chăn, lõi gối từ lông tơ và lông thô: 16.200.000 sản phẩm/năm.

++ Các sản phẩm dệt may gia dụng khác: lõi áo lông vũ, mũ lông vũ, lõi ga trải giường và rèm cao cấp, vỏ chăn, vỏ gối, thảm trải cao cấp,... khoảng 18.800.000 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

## **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP QNK Bắc Giang được cấp Giấy phép môi trường**

1. Công ty TNHH Liuqiao Feather Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Liuqiao Feather Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Việt Yên, Công ty TNHH Fugiang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định 118/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Sản xuất và gia công các loại lông vũ Liuqiao Feather Việt Nam” tại lô CN-07, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Liuqiao Feather Việt Nam làm chủ đầu tư và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường của cơ sở “Sản xuất và gia công các loại lông vũ Liuqiao Feather Việt Nam” có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Sản xuất và gia công các loại lông vũ Liuqiao Feather Việt Nam” tại lô CN-07, Khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Liuqiao Feather Việt Nam làm chủ đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Việt Yên, Công ty TNHH Fugiang, Công ty TNHH Liuqiao Feather Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Liuqiao Feather Việt Nam (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023  
của UBND tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40m<sup>3</sup>/ngày đêm, đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, huyện Việt Yên do Công ty TNHH Fugiang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (Theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối công trình nước thải giữa Công ty TNHH Liuqiao Feather Việt Nam với Công ty TNHH Fugiang ký ngày 12/11/2018), cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải sản xuất của cơ sở được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 3.00.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, sau đó tuần hoàn cho quá trình sản xuất, không xả thải ra môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

\* Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt của cơ sở được thu gom theo đường ống PVC 110 xử lý sơ bộ qua 07 bể tự hoại 03 ngăn (gồm: 04 bể tự hoại thể tích 11,34 m<sup>3</sup>/bể, 01 bể tự hoại thể tích 5m<sup>3</sup> và 02 bể tự hoại thể tích 12m<sup>3</sup>/bể) cùng với nước thải nhà bếp sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ thể tích 3,3m<sup>3</sup> được thu gom bằng đường ống uPVC D160 với chiều dài khoảng 124,8m và đường cống BTCT D300 với chiều dài khoảng 191,9m đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp), sau đó được tự chảy bằng đường ống uPVC D160 dài khoảng 5m thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân

Trung (Theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối công trình nước thải giữa Công ty TNHH Liuqiao Feather Việt Nam với Công ty TNHH Fugiang ký ngày 12/11/2018).

\* Nước thải sản xuất:

- Nước thải phát sinh từ thiết bị làm mát và lọc bụi được thu gom theo đường ống uPVC 400 dài khoảng 64m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của cơ sở với công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý, sau đó tuần hoàn sử dụng 100% cho sản xuất của cơ sở.

- Nước sản xuất từ quá trình giặt được thu gom theo 2 đường ống PVC D400 chạy song song nhau, mỗi đường ống dài khoảng 36m, sau đó được đầu nối vào 2 cống HDPE D400,  $i=0,2\%$  chạy song song, mỗi đường ống dài khoảng 111m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý, sau đó tuần hoàn sử dụng 100% cho sản xuất của cơ sở, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

\* Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân Trung.

- Hóa chất sử dụng đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

+ NaOCl 1,5 kg/ngày

+ Mật rỉ đường: 2 kg/ngày

+ Men vi sinh: 1 kg/ngày

+ NaOH: 1 kg/ngày

\* Nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Nước thải (từ quá trình giặt, quá trình làm mát, lọc bụi) → Song chắn rác → Bể điều hòa → Bể lắng đầu → Bể phản ứng → Bể hiếu khí → Bể hiếu khí 1, 2, 3, 4 → Bể lắng cấp 2 → Bể lắng cấp 3 → Bể lọc không van → Bể chứa nước sạch tái sử dụng → Tái sử dụng cho sản xuất.

- Hóa chất sử dụng đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

+ PAC: 40kg/ngày

+ PAM: 3kg/ngày

+ Chất khử trùng Chlorine  $Ca(ClO)_2$ : 3kg/ngày

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc

đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

\* Biện pháp phòng ngừa

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

\* Phương án ứng phó sự cố đối với nước thải:

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác: Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

\* Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn:

Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt quy chuẩn cho phép mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý. Đồng thời thông báo đến Công ty TNHH Fugiang - chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Vân Trung để xử lý và có phương án tiếp nhận xử lý

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/3/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (công suất 40m<sup>3</sup>/ngày đêm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí nước thải đầu vào và vị trí nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (công suất 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể thu gom)	pH, BOD <sub>5</sub> , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua (S <sup>2</sup> ),	Thực hiện lấy 01 lần. Thời gian lấy mẫu: Ngày 27/12/2023.	QCVN 40: 2011/BTN MT, cột B
2	01 vị trí tại điểm xả nước thải tại hồ ga sau hệ thống xử lý	Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Photpho (tính theo P), Tổng nitơ, Coliform.	Thực hiện lấy mẫu 03 lần trong 3 ngày liên tiếp: + Lần 1: Ngày 27/12/2023 + Lần 2: Ngày 28/12/2023 + Lần 3: Ngày 29/12/2023	

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng Tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên, Công ty TNHH Fugiang để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023  
của UBND tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:** có 03 nguồn

- Nguồn số 01, 02: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy của 02 máy sấy 1, 2.
- Nguồn số 3: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy của máy sấy 3.

**2. Dòng khí thải và vị trí xả khí thải**

**2.1. Dòng khí thải:** có 02 dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01: 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sấy của máy sấy số 1 và số 2.
- Dòng khí thải số 02: 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sấy của máy sấy số 3.

**2.2. Vị trí xả khí thải:** 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- Vị trí số 01: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sấy của máy sấy số 1 và số 2 trước khi thải ra ngoài môi trường.

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2349970; Y = 410293.

- Vị trí số 02: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sấy của máy sấy số 3 trước khi thải ra ngoài môi trường.

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2349976; Y = 410294.

**2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Vị trí số 01: 96.000 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 768.000 m<sup>3</sup>/ngày.
- Vị trí số 02: 48.000 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 384.000 m<sup>3</sup>/ngày.

Tổng lưu lượng xả thải lớn nhất của 2 dòng thải là 144.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.3.1. Phương thức xả khí thải:** Xả khí thải liên tục theo giờ làm việc của công ty (thời gian làm việc 08 giờ/ngày).

**2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ) cụ thể như sau:**



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B	
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	6 tháng/lần
2	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850	
3	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Khí thải, bụi từ quá trình sấy tại 03 máy sấy được thu gom qua đường ống D300, dài 22m đưa về tháp hấp thụ bằng nước với kích thước D1100xH4100 (mm), tháp được làm bằng chất liệu PPR. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B được thoát ra ngoài qua đường ống D400, cao 1,5m.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sấy: Khí thải, bụi → Đường ống thu gom → Tháp dập bụi → Ống thoát khí thải ra môi trường (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sấy của máy sấy số 01 và số 02: 96.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sấy của máy sấy số 03: 48.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải:

+ Nước: 10m<sup>3</sup>/ngày/2 hệ thống.

+ Tần suất thay thế nước: hàng ngày.

#### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

\* *Biện pháp phòng ngừa*

- Dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ

thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ (06 tháng/lần) thuê đơn vị bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

*\* Biện pháp ứng phó sự cố:*

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Tạm dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/6/2024

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sấy của máy sấy số 01 và số 02 công suất 96.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sấy của máy sấy số 03 công suất 48.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí tại tại ống thoát khí thải sau 02 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	02 vị trí tại ống thoát khí thải sau 02 hệ thống xử lý khí thải	Bụi tổng, CO, NO <sub>x</sub> , SO <sub>2</sub>	Lấy mẫu 01 mẫu/lần, thực hiện trong 03 ngày liên tiếp: + Lần 1: Ngày 14/12/2023 + Lần 2: Ngày 15/12/2023 + Lần 3: Ngày 16/12/2023	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên, Công ty TNHH Fugiang để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3****NỘI DUNG CẤP PHÉP BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023  
của UBND tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 04 nguồn**

- + Nguồn số 1: Tiếng ồn độ rung từ khu vực phòng rửa.
- + Nguồn số 2: Tiếng ồn độ rung từ khu vực phòng sấy.
- + Nguồn số 3: Tiếng ồn độ rung từ khu vực may sản phẩm.
- + Nguồn số 4: Tiếng ồn độ rung từ khu vực máy nén khí.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- + Vị trí 1: Tiếng ồn độ rung từ khu vực phòng rửa: X: 2350030; Y: 4103109
- + Vị trí 2: Tiếng ồn độ rung từ khu vực phòng sấy: X: 2350023; Y: 410320
- + Vị trí 3: Tiếng ồn độ rung từ khu vực may sản phẩm: X: 2349983; Y: 410298
- + Vị trí 4: Tiếng ồn độ rung từ khu vực máy nén khí: X: 2350116; Y: 410381

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn hiện hành (QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc), cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4 m/s <sup>2</sup>	1,4 m/s <sup>2</sup>	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.

- Nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng.

- Xây dựng lịch trình sản xuất hợp lý, tăng số ca làm việc trong ngày làm giảm mật độ các loại phương tiện vận chuyển trong cùng một thời điểm.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: Nút tai, bao tai, mũ bảo hiểm, găng tay, kính,...

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023  
của UBND tỉnh Bắc Giang)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

<b>STT</b>	<b>Chất thải nguy hại</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>
1	Găng tay, giẻ lau dính dầu	kg/năm	10
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại (Vỏ can hóa chất, thùng đựng dầu ...)	kg/năm	500
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	kg/năm	2
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất	kg/năm	120.000
5	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	kg/năm	100
<b>Tổng</b>			<b>120.612</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:**

<b>STT</b>	<b>Chất thải phát sinh</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>
1	Các lông thải không đạt yêu cầu, nilon, sắt, kim loại, đá sỏi ,... chứa trong lông	kg/tháng	200
2	Bao bì thải, thùng carton	kg/tháng	500
3	Vải, chỉ,... vụn, thừa	kg/tháng	400
<b>Tổng</b>		<b>kg/tháng</b>	<b>1.100</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 150kg/ngày, tương đương 3,9 tấn/tháng, thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh, giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng...

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng nhựa có nắp đậy để chứa CTNH phát sinh có dung tích 220 lít/thùng để thu gom, lưu chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải nguy hại, bên ngoài có dán mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 12 m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Kết cấu, cấu tạo của kho: Kho xây dựng khép kín, tường xây gạch bao quanh, nền xi măng, có mái che, có biển báo cảnh báo tại cửa ra vào. Nền có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, bố trí khay thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố tràn dầu, chiều cao công trình 3,0m.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất dự kiến khoảng 03 tháng/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 20 thùng nhựa, có nắp với dung tích 220 lít tại các khu vực sản xuất trong nhà xưởng để thu gom triệt để 100% lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 24m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Kết cấu, cấu tạo: bằng gạch và được đặt ở cuối nhà xưởng sản xuất đảm bảo không phát tán chất thải ra ngoài môi trường, kho có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 3,0m.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp theo quy định với tần suất 01 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 15 thùng nhựa chứa rác có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng tại nhà ăn ca, nhà bếp để công nhân bỏ chất thải; Bố trí các sọt đựng rác tại từng phòng vệ sinh và khu vực văn phòng để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ những khu vực này.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: 12m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Kết cấu, cấu tạo: Kho chứa kết cấu tường xây gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, cửa có khóa, chiều cao công trình 3m.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định với tần suất 03 ngày/lần.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.



**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023  
của UBND tỉnh Bắc Giang)

**Công ty TNHH Liuqiao Feather Việt Nam có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của CCN Việt Tiến, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên, Công ty TNHH Fugiang trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 770/TTr-TNMT ngày 29/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.